

NHỮNG BIẾN ĐỔI VỀ HÌNH THỨC SỞ HỮU RUỘNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM (Thời kỳ lịch sử Việt Nam hiện đại)

TRƯƠNG THỊ TIẾN

Khoa Lịch sử, ĐHTH Hà Nội

Thời Pháp thuộc, ruộng đất nông nghiệp chủ yếu nằm trong tay địa chủ, thực dân. Tính chung cả nước, giai cấp địa chủ chỉ chiếm khoảng 9% tổng số chủ ruộng, nhưng lại tập trung trong tay trên 50% diện tích canh tác. Ruộng đất công ngày càng bị thu hẹp và trên thực tế cũng bị giai cấp địa chủ thao túng. Trong khi đó, những người tiểu nông chiếm trên 90% tổng số chủ ruộng lại chỉ có gần 40% diện tích trồng cấy. Số hộ có ít ruộng và không có ruộng chiếm từ 1/2 đến 2/3 tổng số hộ ở nông thôn [1]. Ở Nam bộ, chế độ đại sở hữu ruộng đất của địa chủ phát triển đồng thời với cực đối nghịch: Phần lớn nông dân không có ruộng đất.

Sự tập trung quá nhiều ruộng đất vào trong tay giai cấp địa chủ ở giai đoạn này một phần do tác động của các quy luật kinh tế, nhưng chủ yếu là do tác động phi kinh tế của chính sách thống trị của thực dân Pháp.

Như vậy, chủ sở hữu phần lớn ruộng đất không phải là nông dân - người trực tiếp sản xuất - mà là địa chủ. Phương thức kinh doanh ruộng đất trong khu vực trồng lúa, hoa màu... phổ biến vẫn là phương thức kinh doanh theo kiểu phong kiến: Phát canh thu tô.

Chế độ chiếm hữu ruộng đất cùng với lối kinh doanh ruộng đất theo kiểu phong kiến đã quá lạc hậu. Người trực tiếp sản xuất không có quyền sở hữu ruộng đất. Họ phải đi lĩnh canh ruộng đất của địa chủ với mức tô rất cao khiến cho nông dân không có điều kiện để phát triển sản xuất.

Lợi kinh doanh ruộng đất lạc hậu này là một trong những nguyên nhân làm cho nông nghiệp Việt Nam thời Pháp thuộc vẫn trì trệ như thời phong kiến. Nó đã cản trở sự phát của sản xuất và làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

Chính vì vậy, khi nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã đề ra hai khẩu hiệu chiến lược: "Độc lập dân tộc" và "Người cày có ruộng".

Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939 - 1945), do phải tập trung sức giải quyết vấn đề độc lập dân tộc, Đảng ta đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Vấn đề dân chủ đặt ra ở mức độ thấp.

Cách mạng Tháng 8 - 1945 thành công, lịch sử Việt Nam bước sang một trang mới và chính trong thời kỳ lịch sử hiện đại này, cùng với những biến đổi lớn lao khác của dân tộc, hình thức sở hữu ruộng đất nông nghiệp có những biến đổi tích cực.

Trước hết, đó là sự thực hiện từng bước khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Từ tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công, giảm tô, giảm tức... chúng ta đã tiến tới thực hiện cải cách ruộng đất ở một số vùng trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp và tiếp tục thực hiện triệt để nhiệm vụ này ở miền Bắc cho đến năm 1956.

Mặc dù việc tiến hành cải cách ruộng đất ở miền Bắc có những sai lầm, nhưng không ai có thể phủ nhận được thành quả của cải cách ruộng đất. Nó đã đem lại quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân lao động.

Ở miền Nam, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân đã nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ nông thôn đồng thời với quyền làm chủ ruộng đất.

Năm 1970, Mỹ - Thiệu cũng cho thực hiện luật "Người cày có ruộng" nhằm tách nông dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng, tạo cơ sở xã hội mới cho chính quyền tay sai.

Do vậy, trong khu vực trồng lúa và hoa màu phụ, chế độ sở hữu ruộng đất và lối kinh doanh ruộng đất của địa chủ phong kiến bị xóa bỏ về cơ bản. Nó chỉ còn là tàn dư ở nơi này, nơi khác. Và thay vào đó là chế độ sở hữu nhỏ về ruộng đất của nông dân.

Do tác động của những yếu tố tư bản chủ nghĩa, do sự phát triển của kinh tế hàng hóa, ở nông thôn miền Nam lại xuất hiện khuynh hướng mới về tích tụ và tập trung ruộng đất. Trong nội bộ nông dân, tầng lớp trung nông trở nên đông đảo và có nhiều ruộng đất hơn cả. Tầng lớp phú nông - tư sản nông thôn - phát triển hơn thời kỳ Pháp thuộc, chiếm hữu nhiều ruộng đất hơn, nhưng mức chiếm hữu không thể bằng địa chủ trước đây. Họ có xu hướng kinh doanh máy móc, công thương nghiệp là chính. Một bộ phận đáng kể nông dân thiếu ruộng hoặc không ruộng trở thành tầng lớp lao động làm thuê.

Tuy nhiên, tính đến năm 1975, khoảng 70% ruộng đất đã về tay nông dân lao động, thuộc quyền sở hữu của nông dân lao động. Do đó, hình thức sở hữu nhỏ về ruộng đất của nông dân mới là hình thức chủ yếu.

Như vậy, cho đến năm 1956 ở miền Bắc, năm 1975 ở miền Nam, chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến bị xóa bỏ. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của nông dân lao động (miền Bắc) hoặc phần lớn thuộc quyền sở hữu của nông dân lao động (miền Nam).

Hình thức sở hữu này có nhiều yếu tố tích cực: Ruộng đất - một tư liệu sản xuất quan trọng của kinh tế nông nghiệp - đã có chủ nhân thật sự đề chăm sóc, cải tạo. Chủ sở hữu đồng thời lại là người trực tiếp sản xuất. Vì thế, ruộng đất được sử dụng một cách có hiệu quả. Từ quyền sở hữu ruộng đất, nông dân được làm chủ những sản phẩm do mình làm ra, họ không còn phải nộp tô với mức quá cao cho địa chủ nữa. Đó là động lực vô cùng quan trọng thúc đẩy nông dân tích cực sản xuất nông nghiệp.

Thế nhưng, thời gian tồn tại của hình thức này ở miền Bắc quá ngắn hoặc ở miền Nam, nó chịu tác động của chiến tranh nên chưa có điều kiện để phát huy hết những mặt tích cực trong thực tế.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cải cách ruộng đất ở miền Bắc, chúng ta đã chủ trương tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp với mục tiêu xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa gồm 2 hình thức sở hữu: Toàn dân và tập thể.

Theo mô hình kinh tế hợp tác lúc bấy giờ thì điều kiện tiên quyết để tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp là tập thể hóa triệt để ruộng đất cùng những tư liệu sản xuất khác, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể: "Chỉ trong vòng hơn 1 năm (từ cuối năm 1959 đến cuối năm 1960), 76% diện tích canh tác của hơn 2,4 triệu hộ nông dân được tập thể hóa" [2].

Với hình thức sở hữu tập thể về ruộng đất, chúng ta có thể làm nhanh và tốt hơn một số khâu: Thủy lợi, cải tạo, quy hoạch đất... Nhưng trong thực tế, ruộng đất lại không có người chủ

thực sự của nó, gây nên tình trạng lãng phí trong quản lý và sử dụng đất. Hơn thế, sở hữu tập thể về ruộng đất và mô hình hợp tác kiểu cũ đã làm cho nông dân không thiết tha với ruộng đất, và không tạo ra động lực vật chất để thúc đẩy người nông dân tích cực sản xuất. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho nông nghiệp phát triển chậm chạp kém hiệu quả, mặc dù Nhà nước đã đầu tư rất nhiều vào nông nghiệp, đã coi nông nghiệp là "mặt trận hàng đầu", là "cơ sở để phát triển công nghiệp".

Chúng ta đã không sớm nhận ra điểm bất hợp lý đó mà lại áp dụng mô hình hợp tác hóa - tập thể hóa với nội dung trên vào miền Nam sau năm 1975.

Tình hình nông nghiệp - nông thôn ở miền Nam rất khác với miền Bắc trước khi tiến hành hợp tác hóa. Khẩu hiệu "Người cày có ruộng" về cơ bản đã được thực hiện trong kháng chiến chống Mỹ. Nông dân đã thực hiện quyền sở hữu ruộng đất trong điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển chứ không phải trong một nền kinh tế tự cung tự cấp như ở miền Bắc trước khi hợp tác hóa. Thế nhưng nhiều địa phương trong khi thực hiện chủ trương điều chỉnh ruộng đất đã tiến hành gần như cào bằng theo kiểu bình quân chủ nghĩa. Sau đó, chúng ta lại phát động rộng rãi phong trào tập thể hóa nông nghiệp, xúc tiến ồ ạt việc thành lập các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trong nông thôn miền Nam. Ruộng đất từ chỗ có chủ nhân cụ thể, trực tiếp với những kinh nghiệm sản xuất hàng hóa của họ, nay lại chuyển sang hình thức sở hữu tập thể về ruộng đất.

Thực tế của những năm phát triển nông nghiệp theo mô hình hợp tác hóa - tập thể hóa kiểu cũ đã làm cho Đảng ta thấy rằng cần phải tiến hành đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp cũng như đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói chung của cả nước. Đảng đã thừa nhận những sai lầm của mình trong quản lý kinh tế và đã tập trung nỗ lực cho công cuộc đổi mới của đất nước.

Quan hệ sở hữu ruộng đất trong nông nghiệp có một bước chuyển biến quan trọng. Đó là kết quả của một quá trình phấn đấu gian khổ để thoát ra khỏi những ràng buộc của các quan niệm lỗi thời, khắc phục những hạn chế của mô hình hợp tác cũ, tìm tòi các bước đi và hình thức thích hợp, từng bước xây dựng mô hình hợp tác mới.

Chỉ thị 100 CT-TW của Ban Bí thư Trung ương năm 1981 cho phép áp dụng rộng rãi chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, thực chất là đến hộ gia đình xã viên. Ruộng đất vẫn thuộc sở hữu tập thể, song hộ gia đình được giao đảm nhận nhiều khâu trong quá trình canh tác, có thể đầu tư thêm công sức, vật tư để nhận thêm phần sản lượng vượt mức khoán của hợp tác xã.

Với nghị quyết 10 của Bộ chính trị (tháng 4 / 1988) - Nghị quyết "về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp", Cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp đã đổi mới trên cả 3 nội dung chủ yếu quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối.

Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất có một bước điều chỉnh quan trọng. Trên danh nghĩa, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu tập thể (đúng hơn là sở hữu toàn dân), nhưng nông dân đã được giao khoán ruộng đất ổn định dài hạn trong khoảng 10 năm - 15 năm. Trâu bò và những tài sản cố định mà hợp tác xã quản lý, sử dụng kém hiệu quả được chuyển nhượng hoặc bán hóa giá cho xã viên. Chế độ công điền bị xóa bỏ. Người lao động được gắn kết chặt chẽ với tư liệu sản xuất mà họ sử dụng, tuy chưa phải là suốt đời, nhưng là trong một thời hạn khá dài.

Tuy nhiên, phương thức giao khoán ruộng đất như Nghị quyết 10 lại chưa khắc phục được tình trạng ruộng đất manh mún, phân tán, và chưa khuyến khích phân công lao động, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Từ thực tế đó, Đảng ta lại tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới của mình.

Nghị quyết Hội nghị TW 5 (khóa VII) và "Luật đất đai" ban hành năm 1993 là sự tiếp tục đổi mới của Đảng và Nhà nước trên nhiều lĩnh vực, trong đó có vấn đề sở hữu và sử dụng ruộng đất.

Với "Luật đất đai", Nhà nước đã chính thức giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân (cây ngắn ngày: 20 năm, cây dài ngày: 2 chu kỳ sản xuất - 50 năm). Người nông dân không chỉ được quyền sử dụng như những năm trước mà còn được quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất.

Về pháp lý, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý. Quy mô, mục đích, thời hạn sử dụng cũng như quyền định đoạt cuối cùng thuộc về Nhà nước. Song, trên thực tế không thể không thừa nhận người nông dân đã có những quyền hạn không chỉ thuần túy của người sử dụng mà phần nào là của người sở hữu. Với những quyền hạn trên, có thể nói người nông dân là người sở hữu trên thực tế phần ruộng đất được giao trong thời hạn nhất định.

Sự nới rộng các quyền hạn của nông dân đối với ruộng đất và việc thể chế hóa bằng luật pháp các quyền đó tạo điều kiện thuận lợi về kinh tế, pháp lý và tâm lý để phát huy hơn nữa các tiềm năng to lớn của kinh tế hộ gia đình. Chế độ sở hữu - sử dụng ruộng đất trong nông nghiệp hiện nay là cơ sở cho vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân. Đồng thời nó cũng góp phần thúc đẩy phân công lao động trong nông nghiệp, phát triển các ngành nghề ở nông thôn... Chế độ sở hữu - sử dụng ruộng đất trong nông nghiệp hiện nay sẽ góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển mạnh mẽ trong cơ chế thị trường, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nó phù hợp với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất và tạo ra địa bàn rộng lớn cho sự phát triển hơn nữa sức sản xuất. Những thành quả của nền nông nghiệp nước ta liên tiếp trong mấy năm gần đây đã khẳng định điều đó⁽¹⁾. Sự ra đời và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới, đa dạng trong nông nghiệp và nông thôn không dẫn tới xóa bỏ hoặc làm thay đổi về chất kiểu sở hữu - sử dụng ruộng đất hiện có. Nó sẽ tồn tại khá lâu dài trong nhiều thập kỷ tới.

Tuy nhiên, với sự chuyển dịch cơ cấu trong quá trình công nghiệp hóa và cạnh tranh thị trường, quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất tất yếu đang và sẽ diễn ra. Một bộ phận ngày càng đông nông dân sẽ chuyển sang kinh doanh công thương nghiệp, dịch vụ hoặc trở thành lao động làm công ăn lương chuyên nghiệp. Một bộ phận khác nhỏ hơn, mặc dù không có điều kiện chuyển nghề, song vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan nên không thể giữ được ruộng để canh tác với mức cũ. Ngược lại, một số khác có cơ hội tích tụ và tập trung thêm ruộng đất, mở mang quy mô kinh doanh nông nghiệp.

Mặc dù có quy định hạn điền của "Luật đất đai" nhằm giới hạn tối đa mức tích tụ ruộng đất của mỗi hộ nông dân, cũng như áp dụng các chính sách khác để hỗ trợ nông dân nghèo, giúp họ có ruộng đất và các phương tiện canh tác cần thiết v.v., nhưng những giải pháp này cũng chỉ làm dịu bớt tác động tiêu cực chứ không ngăn chặn được quá trình nói trên. Vì thế, bên cạnh những giải pháp nhằm bảo đảm công bằng và ổn định xã hội phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của nông thôn và nông nghiệp, cần hướng nỗ lực chính vào việc thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, nông nghiệp và nông thôn nói riêng. Nhờ đó, mà vừa tạo cơ hội

[1] Sản lượng lương thực quy thóc của cả nước tăng qua các năm:

1987: 17,5 triệu tấn, 1988: 19,5 triệu tấn, 1989: 20,5 triệu tấn, 1990: 21,4 triệu tấn, 1991: 21,9 triệu tấn, 1992: 24,2 triệu tấn, 1993: 25,5 triệu tấn,

thuận lợi cho "ai giỏi nghề gì làm nghề ấy", vừa làm cho quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất hợp lý diễn ra thuận lợi, không đẻ ra những bất công xã hội và sự phân cực giàu nghèo quá lớn trong nông thôn.

Như vậy, thời kỳ lịch sử Việt Nam hiện đại, hình thức sở hữu ruộng đất có nhiều biến đổi quan trọng. Với sự nỗ lực đổi mới của Đảng, dần dần chúng ta đã xác định được một hình thức sở hữu - sử dụng ruộng đất nông nghiệp phù hợp với tính chất, trình độ của lực lượng sản xuất. Đương nhiên, từ chủ trương, đường lối đến việc thực hiện trong thực tế còn là một quá trình phấn đấu gian khổ. Nhưng chúng ta hy vọng, với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta sẽ tạo ra được một mô hình hợp tác mới thúc đẩy nông nghiệp phát triển hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Việt Nam. Tập II. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, Tr. 17.
2. Nguyễn Văn Quy - *Sở hữu ruộng đất trong nông nghiệp nhìn từ thực tiễn*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 193, 1993, Tr. 57.

VNU, H. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t. 1, n°1, 1995

THE TRANSFORMATIONS OF OWNERSHIP FORMS OF AGRICULTURAL LAND IN VIETNAMESE COUNTRYSIDE (For the contemporary period of Vietnam's history)

TRUONG THI TIEN

Faculty of History, Hanoi University

The ownership forms of agricultural land in Vietnamese countryside for the contemporary historic period has got many major transformations. Firstly, the feudal land ownership is abolished. The land passes into the possession of working farmers. Later it is the existence the collective form of land ownership. And today, the Vietnamese Communist party has bravely renewed the mechanism of economic management in general, including the problem of defining ownership forms - using the agricultural land in accordance with the characters, the standard of the productive forces.

This writing introduces the main contents of the above mentioned renovation process.